

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THUẬN CHÂU
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 20-4-2023

V/v: Ly hôn, nuôi con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THUẬN CHÂU, TỈNH SƠN LA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Nghĩa.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Ngọc Thiệp, Bà Lý Thị Vinh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan Phụng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện TC, tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TC, tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Bích Nguyệt - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TC, tỉnh Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 70/2023/TLST-HNGĐ ngày 17-01-2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 27-3-2023; Quyết định hoãn phiên tòa số: 38/2023/QĐST-HNGĐ ngày 12-4-2023; Quyết định hoãn phiên tòa số: 40/2023/QĐST-HNGĐ ngày 17-4-2023; giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị DT, sinh năm 1994. (Có mặt tại phiên tòa)

2. *Bị đơn:* Anh Đào XN, sinh năm 1990. (Vắng mặt tại phiên tòa)

Đều trú tại: Bản KX, xã PL, huyện TC, tỉnh Sơn La.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị Trần Thị DT trình bày:

Chị Trần Thị DT và anh Đào XN kết hôn với nhau có đăng ký kết hôn ngày 26/7/2015 tại Ủy ban nhân dân xã PL, huyện TC, tỉnh Sơn La, kết hôn trên cơ sở tự nguyện không bị ép buộc. Vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau đến tháng 01/2022 thì phát sinh mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi vã, mâu thuẫn kéo dài, không tìm được tiếng nói chung, mục đích hôn nhân không đạt được. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 7/2022 đến nay, không ai quan tâm đến cuộc sống của ai. Chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị yêu cầu ly hôn anh Đào XN.

Về con chung: Chị Trần Thị DT và anh Đào XN có 02 con chung là cháu Đào Trần ĐC, sinh ngày 11/02/2016 và cháu Đào Trần ĐH, sinh ngày 22/8/2020. Chị T đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu cả hai cháu.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu anh Đào XN cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản riêng: Không có.

Về nợ chung: Chị T cam đoan không có nợ chung.

Đối với bị đơn anh Đào XN: Tòa án đã tiến hành triệu tập tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhiều lần cho bị đơn anh Đào XN để viết bản tự khai, tham gia phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ, tham gia phiên tòa xét xử nhưng anh N vẫn cố tình vắng mặt.

Đương sự không cung cấp thêm chứng cứ cho Tòa án, không có ý kiến gì về các chứng cứ do các đương sự khác xuất trình và không yêu cầu triệu tập đương sự khác, người tham gia tố tụng khác.

Kết quả xác minh tại chính quyền địa phương ngày 15/02/2023, 27/3/2023: Kể từ khi kết hôn vợ chồng anh Đào XN và chị Trần Thị DT sinh sống tại bản KX, xã PL, huyện TC, tỉnh Sơn La. Quá trình chung sống nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã. Hiện tại anh N, chị T đã sống ly thân. Vợ chồng anh N, chị T có 02 con chung hiện tại đang sống cùng chị T. Chị T sinh sống và làm công việc buôn bán hàng tạp hóa tại bản KX, xã PL, huyện TC, tỉnh Sơn La. Chị T có đủ khả năng và điều kiện nuôi hai con.

Kết quả xác minh đối với 02 giáo viên chủ nhiệm của 02 cháu Đào Trần ĐC và cháu Đào Trần ĐH ngày 16/3/2023: Chị Trần Thị DT luôn quan tâm, chăm sóc đầy đủ, đưa đón các cháu đi học hàng ngày, không thấy bố đẻ các cháu hỏi thăm, đưa đón, họp phụ huynh lần nào.

Ý kiến của cháu Đào Trần ĐC, sinh ngày 11/02/2016 (Biên bản ghi ý kiến ngày 17/3/2023): Cháu Đào Trần ĐC rất mong muốn ở với chị Trần Thị DT và em Đào Trần ĐH. Tại vì bố Đào XN không quan tâm đến con, không hỏi thăm con.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện TC phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Kể từ khi Tòa án tiến hành thụ lý vụ án cho đến khi ra quyết định đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán đã thực hiện các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của pháp luật.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử tham gia đúng thành phần trong quyết định đưa vụ án ra xét xử, các trình tự của phiên tòa diễn ra theo đúng quy định của pháp luật.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị

đơn không thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc Tòa án mở phiên tòa xét xử vụ án vắng mặt bị đơn là đúng quy định pháp luật tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Viện kiểm sát đề nghị áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016:

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị DT được ly hôn anh Đào XN.

Về con chung: Giao cháu Đào Trần ĐC, sinh ngày 11/02/2016 và cháu Đào Trần ĐH, sinh ngày 22/8/2020 cho chị Trần Thị DT trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh Đào XN không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản riêng: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Về án phí: Nguyên đơn chị Trần Thị DT phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Trần Thị DT yêu cầu ly hôn với bị đơn anh Đào XN có nơi cư trú tại bản KX, xã PL, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La. Tòa án nhân dân huyện TC, tỉnh Sơn La thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn anh Đào XN đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ ba vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị DT và anh Đào XN kết hôn với nhau có đăng ký kết hôn ngày 26/7/2015 tại Ủy ban nhân dân xã PL, huyện TC, tỉnh Sơn La, kết hôn trên cơ sở tự nguyện không bị ép buộc. Kể từ khi kết hôn cuộc sống vợ chồng hạnh phúc, đến tháng 01/2022 vợ chồng anh N và chị T phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi vã, mâu thuẫn kéo dài, không tìm được tiếng nói chung, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh N và chị T đã sống ly thân từ tháng 7/2022, không ai quan tâm đến cuộc sống của ai. Tình cảm vợ chồng không còn, chị T yêu cầu ly hôn anh Đào XN.

Trong quá trình giải quyết vụ án, chị T có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải do vợ chồng không thể hòa giải được, đến ngày mở phiên tòa chị T vẫn kiên quyết ly hôn.

Tòa án đã tiến hành triệu tập tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhiều lần cho bị đơn anh Đào XN để viết bản tự khai, tham gia phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ, tham gia phiên tòa xét xử nhưng anh N vẫn cố tình vắng mặt.

Trên cơ sở xem xét các tài liệu, chứng cứ, bản tự khai và tại phiên tòa cho thấy cuộc sống chung vợ chồng của chị T và anh N không hạnh phúc, mâu thuẫn kéo dài, nguyên nhân do mâu thuẫn gia đình, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, đã sống ly thân được một thời gian không ai quan tâm đến cuộc sống của ai dẫn đến tình cảm vợ chồng xa cách, hôn nhân gia đình trở nên bế tắc.

Từ các căn cứ nêu trên cho thấy mâu thuẫn của vợ chồng chị T và anh N đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, xử cho chị Trần Thị DT ly hôn với anh Đào XN.

[3] Về con chung: Chị Trần Thị DT và anh Đào XN có 02 con chung là cháu Đào Trần ĐC, sinh ngày 11/02/2016 và cháu Đào Trần ĐH, sinh ngày 22/8/2020. Hiện tại hai cháu đang sống cùng chị T.

Ý kiến của cháu Đào Trần ĐC có nguyện vọng muốn ở với chị Trần Thị DT.

Xét thấy: Ý kiến của cháu Đào Trần ĐC có nguyện vọng muốn ở với chị Trần Thị DT. Cháu Đào Trần ĐH dưới 36 tháng tuổi. Chị T có nơi ở, công việc ổn định, có thu nhập. Trong thời gian chị T và anh N sống ly thân, chị T luôn đảm bảo được mọi điều kiện cho sự phát triển tốt về thể chất, tinh thần và học hành cho các cháu. Do đó, cần giao cháu Đào Trần ĐC và cháu Đào Trần ĐH cho chị Trần Thị DT được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Đào XN không phải cấp dưỡng nuôi con chung. (Chị Trần Thị DT không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con)

Căn cứ Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về tài sản riêng: Không có.

[7] Về nợ chung: Chị T cam đoan không có nợ chung.

[8] Về án phí: Nguyên đơn chị Trần Thị DT phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 24 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị DT được ly hôn anh Đào XN.

2. Về con chung: Giao cháu Đào Trần ĐC, sinh ngày 11/02/2016 và cháu Đào Trần ĐH, sinh ngày 22/8/2020 cho chị Trần Thị DT trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này, không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Đào XN không phải cấp dưỡng nuôi con chung. (Chị Trần Thị DT không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con)

4. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về tài sản riêng: Không có.

6. Về nợ chung: Chị T cam đoan không có nợ chung.

7. Về án phí: Chị Trần Thị DT phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại chi cục Thi hành án dân sự huyện TC, tỉnh Sơn La theo biên lai thu số: AA/2021/0002084, ngày 17/01/2023.

8. Về quyền kháng cáo: Chị Trần Thị DT được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (20/4/2023).

Anh Đào XN được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện TC (2);
- Chi cục THADS huyện TC;
- UBND xã PL, huyện TC, tỉnh Sơn La;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Vũ Văn Nghĩa